

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2026/HS-PT
Ngày: 18 tháng 8 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Chung

Bà Ngô Thị Thanh Hảo

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 231/2026/TLPT- HS ngày 24 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo Bùi Anh C; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2026/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo: Bùi Anh C, sinh năm 1989 tại Bắc Ninh; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKTT và nơi ở: Thôn T, xã B, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do (công nhân); Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Bùi Q, sinh năm 1950 và con bà Lê Thị L, sinh năm 1952; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ tư; Bị cáo có vợ là Trần Thị Vân A, sinh năm 1990 (đã ly hôn), chưa có con.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo đầu thú và không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Anh C, sinh năm 1989 trú tại thôn T, xã B, tỉnh Bắc Ninh là công nhân Công ty TNHH L1, khu công nghiệp V, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

Khoảng 07 giờ ngày 18/12/2025, C đi xuống nhà để xe khu C thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 98B2-732.94 đang để tại lô C, xe vẫn cắm chìa khoá điện nên nảy sinh ý định trộm cắp. Chiếc xe này là của anh Lê Minh T, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh - là công nhân Công ty TNHH L1 để tại đó. C đi đến ngồi lên xe, nổ máy điều khiển xe đi ra cổng bảo vệ. Theo C khai sử dụng chiếc vé xe nhật được trước đó đưa cho bảo vệ kiểm tra rồi đi xe ra ngoài. Chính để xe tại tầng 2 nhà để xe công ty L1 rồi đi làm việc.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô trộm cắp được về nhà tại thôn T, xã B, tỉnh Bắc Ninh rồi tháo biển số 98B2-732.94 ra và thay bằng biển số 98C1-159.82. Chính sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại còn biển số 98B2-732.94 thì cất giấu bên trong phòng ngủ.

Ngày 28/01/2026, anh Lê Minh T có đơn trình báo và cung cấp bản sao đăng ký xe mô tô số 091473 của xe mô tô biển số 98B2-732.94 mang tên Lê Văn Đ (là bố đẻ của anh T); xe có số khung 6303FZ076270, số máy JF63E1076281.

Cùng ngày, Công an phường T triệu tập Bùi Anh C để làm việc thì C đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nêu trên. Quá trình đầu thú Chính giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 98C1-159.82 có số khung 6303FZ076270, số máy JF63E1076281; 01 áo khoác dài tay màu đen; 01 quần dài màu đen, kẻ sọc đỏ.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Anh C tại thôn T, xã B, tỉnh Bắc Ninh thu giữ 01 biển số xe mô tô 98B2-732.94 tại vị trí phía trên trần nhựa gian buồng ngủ phía Bắc nhà C (bút lục 34-35).

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 30/01/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND phường T kết luận:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn xám đen, biển kiểm soát 98B2-732.94, số khung 6303FZ076270, số máy JF63E1076281, đã qua sử dụng, mua mới năm 2016, trị giá ngày 18/12/2025 là 14.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã cho anh Lê Minh T quan sát chiếc xe mô tô do Bùi Anh C giao nộp. Kết quả, anh T xác định là chiếc xe của anh T bị trộm cắp vào ngày 18/12/2025. Anh T cung cấp được đăng ký xe có thông tin về loại xe, số khung, số máy trùng khớp với đặc điểm của chiếc xe trên.

Cơ quan điều tra đã cho Bùi A1 Chính xác định hiện trường nơi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo C đã chỉ dẫn và xác định đúng địa điểm trộm cắp tài sản, vị trí để tài sản trước khi trộm cắp như đã khai nhận, phù hợp với lời khai của người bị hại về vị trí để tài sản.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định file video được trích xuất từ camera an ninh tại khu vực nhà để xe khu C, Công ty TNHH L1. Kết luận giám định số 1232/KL-KTHS ngày 17/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

1. Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các file video có tên “Video 1.mp4”, dung lượng: 31MB, thời lượng: 02 phút 24 giây lưu trữ trong đĩa CD-R gửi giám định.

2. Trích xuất được 06 (sáu) hình ảnh liên quan đến vụ việc có trong file video gửi giám định.

Cơ quan điều tra cho C xem lại các hình ảnh trích xuất dữ liệu camera có liên quan đến vụ việc, kết quả Chính xác định có hình ảnh Chính khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 18/12/2025.

Cơ quan điều tra cho Bùi Anh C thực nghiệm điều tra tại hiện trường. Kết quả bị cáo C thực hiện thuần thực động tác ngồi lên xe, vặn khoá nổ máy di chuyển xe về cuối nhà xe, tay phải cầm vé xe đưa cho bảo vệ rồi điều khiển xe mô tô rời khỏi nhà để xe như đã khai.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2026/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 47, Điều 38 Bộ luật hình sự, Điều 106, khoản 4 Điều 123, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1/ Về trách nhiệm hình sự: Phạt bị cáo Bùi Anh C 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Bùi Anh C; Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ khi tuyên án (ngày 06/5/2026) cho đến thời điểm bị cáo chấp hành quyết định thi hành án phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/02/2026, bị cáo Vi Văn T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có cung cấp các tình tiết mới gồm: Bị cáo có thành tích trong lao động được tặng bằng khen, chiến sĩ tiên tiến; bố của bị cáo có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi phân tích tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Bùi Anh C, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo về xin hưởng án treo. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo có cơ hội trở về làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, lời khai tại phiên tòa, quá trình tranh tụng và những chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:*

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Anh C còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Xét hành vi của bị cáo thì thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nhận định là đúng, không oan sai. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 07 giờ 00 phút ngày 18/12/2025, lợi dụng sơ hở của bị hại là anh Lê Minh T khi đỗ xe mà vẫn cắm chìa khóa tại ổ, bị cáo Bùi Anh C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 98B2-732.94 mang tên Lê Văn Đ (là bố đẻ của anh T); xe có số khung 6303FZ076270, số máy JF63E1076281 đang để tại lô C, nhà để xe khu C - Công ty TNHH L1 có trị giá 14.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương, đủ căn cứ cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo Bùi Anh C 09 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo có cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới là giấy khen do bị cáo có thành tích trong lao động, bố bị cáo là người có công với cách mạng. Xác định đây là những tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ để bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo C kháng cáo xin hưởng án treo là có căn cứ và được chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Anh C; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2026/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh.

Tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Anh C 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Bùi Anh C cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Bùi Anh C không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Chung

Ngô Thị Thanh Hảo

Phạm Thị Chuyên